

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ LỄ HỘI CẦU NGƯ Ở QUẢNG BÌNH

NGUYỄN MẬU NAM

Phó Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Bình

Lễ hội Cầu ngư ở Quảng Bình được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 4069/QĐ-BVHTTDL ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đây là lễ hội văn hóa dân gian đặc sắc; là sản phẩm văn hóa tinh thần độc đáo, gắn liền với tín ngưỡng, đời sống lao động sản xuất, sự cố kết cộng đồng, ước mong và khát vọng; là tài sản vô giá của người dân Quảng Bình nói chung và ngư dân ven biển Quảng Bình nói riêng.

1. Đôi điều về nguồn gốc của lễ hội

Lễ hội Cầu ngư là một trong những lễ hội lớn nhất có tác động hết sức quan trọng đến đời sống tâm linh và tín ngưỡng của ngư dân ven biển Việt Nam nói chung và ngư dân Quảng Bình nói riêng. Lễ hội có nhiều tên gọi khác nhau như: Lễ Cầu ngư, Lễ Tế cá Ông, Lễ Cúng Ông, Lễ Nghinh Ông... Dẫu tên gọi ở các vùng, miền có khác nhau nhưng nguồn gốc của lễ hội đều bắt nguồn từ tục thờ cá voi (cá Ông) của ngư dân miền biển. Cho đến nay, chưa ai biết rõ tín ngưỡng thờ cá voi của ngư dân vùng biển cả nước nói chung và Quảng Bình nói riêng ra đời trong hoàn cảnh nào và xuất hiện từ bao giờ?

Một số nhà nghiên cứu văn hóa dân gian khi nghiên cứu nền văn hóa Chăm Pa cho rằng, tục thờ cá Ông của người Việt nói chung cũng như ở Quảng Bình ra đời và gắn liền với quá



Lễ hội Cầu ngư của ngư dân ven biển ở Quảng Bình

Ảnh: N.M.N

trình mở nước về phương Nam của người Việt. Trong quá trình xác lập cương vực, lãnh thổ ở vùng đất mới những cư dân Việt đại diện cho nền văn minh nông nghiệp lúa nước đã tiếp nhận tục thờ cá Ông của người Chăm ở phía Nam, những cư dân có truyền thống nghề biển và theo năm tháng đã dần dần Việt hóa và trở thành tín ngưỡng của cộng đồng ngư dân Việt. Về mặt lịch sử, quá trình hòa nhập, tiếp biến văn hóa của hai nền văn hóa Việt - Chăm trong suốt chiều dài lịch sử có lẽ cũng đã tạo nên tín ngưỡng thờ cá voi của cư dân miền biển Việt Nam và ở Quảng Bình. Xung quanh tín ngưỡng thờ cá Ông có rất nhiều huyền thoại, truyền thuyết về vị thần biển cả này, kể cả người Việt và người Chăm.

Trong Ô châu cận lục, ở mục Cửa Việt An (Cửa Việt, thuộc tỉnh Quảng Trị ngày nay), tiến sĩ Dương Văn An đã viết: “Khoảng năm

Quang Thiệu (1516-1522) có loài cá voi lạc vào, khi thủy triều rút, dân làng biển đã bắt được. Có kẻ đã dùng xương sườn cá để cất nhà”.⁽¹⁾ Sau này, vào thời kỳ nhà Nguyễn, cá voi không còn là một sinh vật biển bình thường nữa mà đã được thần thánh hóa, trở thành Thành hoàng của các làng biển với nhiều tên gọi khác nhau như Cá Ông, Đông Hải, Nam Hải, Ông Lớn, Ông Cậu, Ngư Ông, Đức Ngư, Ông Sanh, Ngài...

Sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã phong cho cá voi là “Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Thượng đẳng thần” và lệ cấp táng cho cá Ông cũng được ban hành. Các triều vua sau này như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân cũng coi cá voi như vị thần linh nghiệm, cứu ngư dân vượt qua bão tố của biển cả, cá voi được sắc phong đến Thượng đẳng thần.

Ở Quảng Bình, cùng với quá trình di dân, hình thành các làng biển, trong quá trình mưu sinh trên biển phải đối mặt với sóng to gió lớn và muôn vàn hiểm nguy từ biển cả, từ bao đời nay, ngư dân ở vùng đất này luôn coi cá voi như một vị phúc thần, không bao giờ hại người mà luôn giúp người gặp nạn trên biển. Trong tâm thức của người dân biển, cá voi không phải là một sinh vật biển bình thường mà là sự hiện diện của một vị thần biển, là dấu hiệu may mắn, đem lại những điều tốt lành cho những người đi biển và cư dân làng biển. Vì vậy, trước khi ra khơi, người dân thường làm lễ cúng và cầu cá voi ban cho sóng yên, biển lặng, tôm cá đầy khoang. Người dân biển tin rằng cá voi lụy và trôi dạt vào làng nào, làng đó sẽ muôn đời được ấm no, tai qua nạn khỏi. Với niềm tin ấy, niềm tin hết sức hồn nhiên của ngư dân về một loài cá hiện lành trên đại dương hải hùng, từng bất ngờ nương tựa và cứu giúp những ghe thuyền và con người bị sóng gió lâm nạn nên mỗi khi có cá voi trôi dạt vào bờ thì ngư dân các làng đều làm lễ cúng tế long trọng, chôn cất và để tang Ông. Có rất nhiều giai thoại về cá voi được lưu

truyền trong nhân dân ở các làng biển như Cảnh Dương, Bảo Ninh... về việc cứu người của cá voi khi ngư dân gặp nạn trên biển. Cũng tại các địa phương này hiện vẫn còn có nhiều lăng thờ cá Ông như: Lăng cá Ông ở Sa Động, Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (trước đây thờ bộ xương cá voi lớn nhất Việt Nam, nay bộ xương được trưng bày tại Bảo tàng Hải Dương học); Ngư Linh miếu ở Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch thờ cá Ông và cá Bà lụy vào Cảnh Dương vào năm 1806 và năm 1818.

2. Về Lễ hội Cầu ngư

Quảng Bình có đường bờ biển dài 116,04km từ Đèo Ngang đến Hạ Cờ. Vùng ven biển Quảng Bình cũng là nơi ngư dân sinh sống từ bao đời nay. Chính chủ nhân của vùng đất này đã sáng tạo, bồi đắp, gìn giữ và trao truyền đến ngày nay các giá trị văn hóa hết sức phong phú, đa dạng, trong đó có Lễ hội Cầu ngư, lễ hội có lịch sử lâu đời, gắn liền với đời sống của nhân dân vùng biển Quảng Bình.

Có thể khẳng định Lễ hội Cầu ngư là lễ hội lớn nhất của ngư dân các địa phương miền biển tỉnh Quảng Bình. Trừ 2 huyện miền núi Tuyên Hóa, Minh Hóa không có biển, còn lại 6 huyện, thị xã, thành phố, một bộ phận cư dân sinh sống dựa vào nghề đánh bắt trên biển, gắn bó với biển, với Lễ hội Cầu ngư. Toàn tỉnh hiện có 20 xã còn duy trì Lễ hội Cầu ngư đó là: Quảng Đông, Cảnh Dương, Quảng Phú, Quảng Hưng, Quảng Xuân (huyện Quảng Trạch); Quảng Phúc, Quảng Văn, Quảng Hải, Quảng Phong (Thị xã Ba Đồn); Thanh Trạch, Hải Trạch, Đức Trạch, Nhân Trạch (huyện Bố Trạch); Quang Phú, Hải Thành, Bảo Ninh (thành phố Đồng Hới); Hải Ninh (Quảng Ninh); Ngư Thủy Bắc, Ngư Thủy Trung, Ngư Thủy Nam (huyện Lệ Thủy).

* Về không gian tổ chức lễ hội

Về cơ bản, phần lễ thường được tổ chức ở các địa điểm gắn liền với không gian văn hóa làng, đình, đền, miếu như miếu Ngư Linh (xã Cảnh Dương), miếu Thanh Hà (xã Thanh Trạch), đình Nam Hải (xã Đức Trạch), lăng Sa

Động (xã Bảo Ninh). Ở những địa phương khác, việc tổ chức phần lễ đều được tổ chức ở những nơi trang trọng, gắn liền với biển.

*** Về thời gian tổ chức lễ hội**

Hằng năm, sau Tết Nguyên đán, người dân các địa phương ven biển Quảng Bình thường tổ chức Lễ hội Cầu ngư và lễ ra quân đánh bắt cá. Thời điểm, thời gian tổ chức lễ hội ở các địa phương cũng không giống nhau, tùy vào phong tục, ngày Ông lụy hay ngày vua ban sắc phong... nhưng đều gắn với lễ ra quân đánh bắt của ngư dân địa phương.

Lễ hội Cầu ngư ở Cảnh Dương (huyện Quảng Trạch) diễn ra trong 2 ngày 14 và 15 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Lễ hội Cầu ngư làng Lý Hòa (huyện Bố Trạch) được tổ chức vào ngày 15/6 hằng năm. Lễ hội Cầu ngư ở Thanh Trạch tổ chức vào rằm tháng Giêng. Lễ hội Cầu Ngư ở Bảo Ninh (thành phố Đồng Hới) được tổ chức từ 14/4 đến 16/4 âm lịch hàng năm. Lễ hội Cầu ngư ở Hải Ninh (huyện Quảng Ninh): Trước đây tổ chức vào dịp rằm tháng 6 âm lịch nhưng hiện nay tổ chức vào ngày Quốc khánh 2/9. Lễ hội Cầu ngư ở Ngư Thủy (Trung, Nam, Bắc), huyện Lệ Thủy được tổ chức vào rằm tháng tư âm lịch hằng năm.

*** Về quy mô tổ chức lễ hội**

Nhìn chung, lễ hội được tổ chức ở các địa phương; quy mô lễ hội tùy thuộc vào từng địa phương và từng mùa vụ. Các năm được vụ cá thì các địa phương tổ chức to (quy mô lớn, đại lễ), nhưng năm thất bát thì tổ chức nhỏ (tiểu lễ).

Lễ hội Cầu ngư của ngư dân miền biển Quảng Bình là lễ hội lớn, là lễ hội cầu mùa cùng mục đích và tâm nguyện như lễ hội cầu mùa của cư dân nông nghiệp; đó là cầu cho mưa thuận gió hòa, trời yên biển lặng, mùa màng bội thu (tôm cá đầy khoang),... Lễ hội Cầu ngư là một hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng mang tính chất cộng đồng cao, những phong tục tập quán, quy ước trong lễ hội được quy định nghiêm ngặt. Lễ hội cũng chính là nơi tái hiện không gian văn hóa truyền thống của

các làng biển, tái hiện phong tục tập quán, nghi lễ truyền thống, văn hóa dân gian,... Lễ hội thu hút đông đảo nhân dân tham gia, có tác động sâu sắc đến đời sống vật chất và sinh hoạt văn hóa tinh thần, tín ngưỡng của ngư dân miền biển Quảng Bình.

*** Quá trình tổ chức lễ hội**

Cũng giống như các vùng, miền trong cả nước, Lễ hội Cầu ngư ở Quảng Bình cũng có 2 phần: Phần lễ và phần hội. Về cơ bản quy trình tổ chức đều giống nhau, chỉ có một số nét khác nhau được bắt nguồn từ phong tục, tập quán của từng địa phương.

- Phần lễ:

Chương trình lễ có các phần như dâng hương (cúng bái, xá tụng, cầu an,...) cầu mong trời yên biển lặng, thuyền bè ra khơi vào lộng an toàn, làng xóm yên vui, tôm cá đầy khoang,... Ngày đầu tiên của lễ hội, các cụ chức sắc, lão làng, những người hiền đức, có uy tín, không có tang chế mặc trang phục đúng nghi lễ; nhân dân trong làng, từ già đến trẻ trang phục chỉnh tề, mỗi người một công việc để tổ chức lễ hội. Tại khu vực tổ chức lễ (lăng, đình, đền, miếu) được trang hoàng rực rỡ, trang nghiêm.

Các nghi thức dâng hương, đọc văn tế, lễ tấu được tiến hành trong không khí trang nghiêm, thành kính thể hiện lòng biết ơn của ngư dân đối với cá Ông và ước nguyện về những mùa vụ bội thu, tôm cá đầy khoang, thuyền bè ra khơi vào lộng được an toàn, xóm làng yên vui,...

Hiện nay, ngư dân ở các địa phương trên địa bàn tỉnh vẫn còn lưu giữ các bài văn tế được tế lễ hàng năm ở các địa phương như xã Quang Phú, Bảo Ninh (thành phố Đồng Hới), Cảnh Dương (huyện Quảng Trạch),...

- Phần hội:

Sau khi nghi lễ cúng thần linh, Thành hoàng làng hết sức trang nghiêm là hoạt động của phần hội vui chơi, thể thao, văn nghệ như đua thuyền, bơi lội, kéo co, lắc thúng, thi đan

lưới,... Hiện nay, phần hội còn có thêm các hoạt động khác như thi đấu bóng đá bãi biển, hội thi ẩm thực, liên hoan văn nghệ. Tùy theo tình hình cụ thể mà mỗi địa phương tổ chức các hoạt động phần hội với quy mô, số lượng các hoạt động khác nhau nhưng một trong những hoạt động không thể thiếu trong phần hội là múa bông - chèo cạn. Về phần hội, trong bài viết này chúng tôi chỉ xin được giới thiệu hoạt động múa bông - chèo cạn.

Múa bông - chèo cạn là hình thức chèo thuyền được cách điệu hóa thành chèo cạn với lối diễn xướng vừa hát vừa múa mái chèo. Khi biển lặng thì mái chèo khoan thai, lúc biển động thì mái chèo mạnh mẽ, dồn dập. Múa bông chèo cạn là hình thức “múa thiêng” để cầu tài, cầu yên, cầu cho mưa thuận gió hòa, sóng yên biển lặng để ngư dân yên tâm đánh bắt trên biển, đồng thời diễn tả tinh thần đoàn kết giữa các thành viên trong 1 con thuyền (Múa bông tức múa đèn hoa, với tiết mục này, các diễn viên sẽ chạy để xếp chữ, các làng biển ở Quảng Bình thường xếp thành chữ thiên hạ thái bình. Đây là cách người dân thể hiện ước vọng vạn sự được yên bình, ấm no, thịnh vượng và hạnh phúc). Tùy đặc thù mỗi địa phương mà động tác trong chèo cạn múa bông sẽ có những khác biệt nhất định. Ví dụ như ở làng Bảo Ninh (thành phố Đồng Hới) thì tiết mục múa bông thường do những người đàn ông thực hiện để đảm bảo việc leo trèo, xếp chữ, giăng cờ. Còn ở lễ hội cầu ngư Đức Trạch (huyện Bố Trạch) thì múa bông thường do các thiếu nữ phụ trách, bởi việc xếp chữ ở đây mang tính chất tượng trưng và thiên về sự nhịp nhàng, mềm mại trong động tác múa. Riêng với tiết mục chèo cạn thì ở làng Nhân Trạch (huyện Bố Trạch) thường do các bà, các mẹ biểu diễn. Có thể là vì với các bà các mẹ thì động tác chèo sẽ nhịp nhàng và sát đúng với động tác nguyên bản cũng như tinh thần của tiết mục này.

Trong đêm đầu tiên của lễ hội, trên sân lộng

cá Ông thường diễn ra hoạt động biểu diễn hò khoan chèo cạn. Hai người cầm cái hò đối đáp nhau, thường là một nam, một nữ. Nam khăn đóng, áo dài, nữ thì áo dài nhung hoặc lụa, quần lĩnh, tay cầm sanh gỗ nhịp, có trống châu và đàn nhị đệm theo. Phường chèo cạn là những nghệ nhân dân gian có giọng hò tốt, thuộc và am hiểu nhiều làn điệu, có tài lĩnh xướng và ứng tác thông minh, khéo léo. Ngoài hai người cầm cái, đội chèo cạn còn có 12 nam thanh nữ tú, có trang phục đầu đội khăn xanh, áo dài trắng, quần đen, lưng thắt đai xanh, tay buộc khăn màu đỏ cầm chèo. Chèo được làm cách điệu dài 2m, phần cán chèo được sơn màu đỏ, thân chèo được sơn màu trắng ở giữa, cả hai bên đều có mặt nguyệt âm - dương.

Khi biểu diễn, đội hình xếp thành hai hàng sao cho khi mái chèo cất lên, hạ xuống không bị chạm vào nhau. Đội hình và động tác chèo cạn là mô phỏng động tác chèo thuyền, làm cho người xem đứng ngoài nhìn vào thấy giống như hai chiếc thuyền đang chèo song song với nhau. Hòa nhịp với các động tác của đội chèo cạn là các làn điệu hò khoan. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Tú: “Hò khoan chèo cạn, về định nghĩa, nói thật chính xác thì không phải là một lối hò riêng có “chức danh” theo đúng tên gọi của nó, mà nó chỉ là sự ứng dụng các loại hò khoan chuyên dùng trong đời sống văn hóa vào tiết mục chèo cạn”. Có 5 loại hò khoan được đưa vào chèo cạn: Hò mái dài, hò mái ba, hò mái nện, mái kéo lưới và mái khoan. Khi 5 loại làn điệu hò này đứng riêng thì nó là những điệu hò chuyên dùng có chức năng nhiệm vụ riêng, nhưng khi đưa vào chèo cạn, thì những điệu hò chuyên dùng ấy, hòa nhập với nhau, thống nhất với nhau tạo nên một khúc ca nhuần nhuyễn.

Múa bông là một hình thức múa không lời, động tác theo nhịp trống, kết hợp với chèo cạn. Đội ngũ là những thanh niên chưa có vợ, có hình thể cân xứng, khỏe mạnh, do một cai múa điều khiển, nhịp theo nhịp trống, phục trang:

quần trắng ống bó, áo 5 thân màu, thắt lưng khác màu, đầu quần khăn điều đỏ, hai tay cầm đèn giấy hình chậu hoa, bộ khung sườn lồng đèn được làm bằng tre nứa, xung quanh dán giấy bóng đủ màu sắc có trang trí hoa văn rất đẹp. Lồng đèn của người cầm cái có hình lục giác, lồng đèn của 12 quân có hình tứ giác, trong lồng đèn thấp nền. Người cai múa, trang phục như võ sĩ, tay cũng cầm đèn làm hiệu. Tiết mục biểu diễn múa bông khoảng chừng 20 phút. Trước khi gắn kết thúc thì phía chèo cạn ngậm lên điệu hò mái ba và bắt đầu đẩy mái từ chỗ đứng vòng cung để tiễn đưa, đội múa bông rung cao đèn để chào mừng khán giả và rút lui ra khỏi sân lẫm. Phút phối hợp này rất ngắn nhưng rất quan trọng và thú vị. Chính đó là sự hài hòa giữa múa bông và chèo cạn. Nó tạo ra hình ảnh một chiếc thuyền đánh cá đầy ánh sáng giống như hội đèn hoa đăng trên biển khơi. Nội dung múa bông gồm các bước sau đây:

Trước hết, là múa hình tứ trụ: đi dạo bốn góc sân với mục đích là dọn sân để biểu diễn. Sau đó cầm lồng đèn giơ cao, đi từ hình vòng tròn từ trái sang phải ngay trước lẫm. Khi đội hình đã đi đủ ba vòng thì người cầm cái cho di chuyển thành hàng thứ tư để dựng cột cờ. Cột cờ được dựng ba tầng, đội hình đã được phân công, mỗi người một vị trí, hai bên có hai cột trụ. Những người đứng trên cột cờ và hai trụ mang bức trường ghi các dòng chữ: ở giữa là hai dòng chữ: “Thiên hạ thái bình”; hai bên là hai dòng chữ: “Thiên quang hóa nhật” và “Thủy bình ngư lợi”. Tiếp đến họ múa lạy thần linh, rồi xếp hình tròn, hình vuông, tượng trưng cho đất vuông, trời tròn, sau đó lần lượt xếp theo hình con rồng, hình con cá rồi đến hình hoa sen nở rất đẹp và cuối cùng là biểu diễn xếp chữ. Những động tác của đội múa bông rất đẹp mắt, vừa nhanh, vừa nhịp nhàng, vừa uyển chuyển làm cho các hình con rồng, con cá nhìn xa như sống thật, hình hoa sen thì từ từ hé nở long lanh dưới sao đêm. Kết thúc phần hội múa bông cũng là kết thúc đêm diễn

thứ nhất. Đêm tiếp theo múa bông cũng có nội dung như thế, chỉ khác nhau ở phần biểu diễn xếp bộ chữ.

Phần hội không chỉ là các hoạt động vui chơi giải trí của cộng đồng mà còn là dịp để người dân ở các làng xã thể hiện tài năng, tăng cường rèn luyện thể chất và lòng dũng cảm, biểu dương lực lượng, sức mạnh của ngư dân nhằm gắn kết cộng đồng làng xã.

3. Một số giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị

Di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội Cầu ngư ở Quảng Bình là một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng tâm linh của ngư dân Quảng Bình. Dẫu cuộc sống trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay có rất nhiều đổi thay nhưng văn hóa biển, kinh tế biển và Lễ hội Cầu ngư sẽ mãi song hành cùng với ngư dân trong tiến trình tạo dựng cuộc sống, xây dựng quê hương... Để di sản Lễ hội Cầu ngư ngày càng được bảo tồn và phát huy giá trị, theo chúng tôi cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, nhất là ngư dân và thế hệ trẻ về ý nghĩa, giá trị của Lễ hội, từ đó khơi dậy ý thức tự hào và phát huy hơn nữa tinh thần trách nhiệm bảo vệ, duy trì và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội Cầu ngư trong đời sống và quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đây là việc làm cần phải được tiến hành thường xuyên, lâu dài nhằm đưa di sản Lễ hội Cầu ngư về với cộng đồng, với chủ thể sáng tạo.

Thứ hai, trên bình diện chung của tỉnh, ngành văn hóa và thể thao cần phải tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng chương trình để bảo tồn, phát huy giá trị di sản Lễ hội Cầu ngư trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở chương trình tổng thể chung đó, căn cứ vào tình hình cụ thể của từng địa phương, các huyện, thành phố, thị xã; các xã phường xây dựng đề án, kế hoạch, đề ra lộ trình, đầu tư nguồn lực, bố trí kinh phí,... và

triển khai thực hiện. Các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý cần phải đầu tư nghiên cứu một cách kỹ càng, “gạn đục khơi trong” để từng bước loại bỏ các hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan; có định hướng đúng đắn và kịp thời trong quản lý, tổ chức các hoạt động lễ hội nhằm đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Thứ ba, tiến hành điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, tư liệu hóa, đánh giá toàn bộ hiện trạng di sản Lễ hội Cầu ngư một cách khoa học, toàn diện, trên cả 2 phương diện văn hóa vật chất (thiết chế thờ tự, sắc phong, đạo cụ, trang phục,...) và văn hóa tinh thần (truyền thuyết, nghi thức hành lễ, múa bông - chèo cạn,...) để có những giải pháp hữu hiệu nhằm bảo tồn, phát huy giá trị Lễ hội Cầu ngư.

Thứ tư, cần có cơ chế, chính sách để hỗ trợ, trùng tu tôn tạo, xây dựng các thiết chế thờ tự, không gian văn hóa lăng, đình, đền, miếu - nơi thờ tự cá Ông tại các địa phương trong tỉnh. Bên cạnh việc đầu tư của nhà nước cho công tác trùng tu các di tích lịch sử - văn hóa (như lăng Cá Ông ở Sa Động, Bảo Ninh), cần phải thực hiện công tác xã hội hóa để huy động các nguồn lực xã hội nhằm xây dựng không gian văn hóa lăng đảm bảo không gian “thiêng”, đủ điều kiện để tổ chức tốt các hoạt động lễ hội. Bên cạnh đó, cũng cần phải có chính sách cho ngư dân - chủ thể của văn hóa, tín ngưỡng bằng việc hỗ trợ cho cộng đồng, gia đình và tôn vinh các nghệ nhân có công bảo tồn, truyền dạy. Trong thời gian qua, đã có 2 nghệ nhân ưu tú được nhà nước phong tặng danh hiệu (năm 2015) và hiện nay đang tiếp tục đề nghị một số nghệ nhân khác, trong đó, bà Phạm Thị Niều (xã Nhân Trạch) được đề nghị phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân. Đây là việc làm thiết thực, có ý nghĩa nhằm tôn vinh, ghi nhận quá trình bảo tồn, trao truyền của các nghệ nhân đối với di sản văn hóa cũng như Lễ hội Cầu ngư ở Quảng Bình.

Thứ năm, phải tăng cường công tác quảng bá, phát huy giá trị Lễ hội Cầu ngư để phát triển

du lịch.

Lễ hội Cầu ngư ở Quảng Bình là tín ngưỡng đặc trưng về văn hóa tâm linh của ngư dân miền biển Quảng Bình. Đây là tài nguyên văn hóa quan trọng để xây dựng sản phẩm du lịch nhằm phát huy tiềm năng lợi thế của biển trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Bình. Trong thời gian qua, Lễ hội Cầu ngư Cảnh Dương, Bảo Ninh với các hoạt động trình diễn múa bông - chèo cạn, lễ hội đua thuyền,... đã góp phần quảng bá các giá trị văn hóa, thu hút du khách trong và ngoài nước và ngày càng khẳng định giá trị Lễ hội Cầu ngư trong đời sống cộng đồng và du khách.

Di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội Cầu ngư của ngư dân miền biển Quảng Bình là sản phẩm văn hóa tinh thần độc đáo, là tài sản quý báu của không chỉ ngư dân miền biển Quảng Bình mà còn của nhân dân Quảng Bình. Việc đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia chính là sự khẳng định giá trị tôn vinh, ghi nhận của các cấp chính quyền, của cộng đồng đối với di sản Lễ hội Cầu ngư. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Lễ hội Cầu ngư ở Quảng Bình, để Lễ hội Cầu ngư trường tồn là niềm vinh dự, tự hào, là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm không chỉ riêng ai mà của tất cả các cấp, các ngành và của cộng đồng hôm nay và mai sau. Tin tưởng và hy vọng rằng với những kết quả đã đạt được; với sự nỗ lực, quyết tâm của toàn dân, với sự quan tâm đầy trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản Lễ hội Cầu ngư của ngư dân miền biển Quảng Bình ngày càng đạt được kết quả tốt hơn, góp phần phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa quê hương, xây dựng kinh tế - xã hội của tỉnh nhà phát triển bền vững hướng tới tương lai ■

Tài liệu tham khảo:

- Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc hiệu đính, dịch chú. Nxb Thuận Hóa, 2001, tr.28.